TÒA ÁN ND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2018

V/v không công nhận vợ chồng giữa anh Q và chị C

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái

2. Ông Từ Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà ông Dương Văn Quang-Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 552/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Văn Q, sinh năm 1969 "có mặt"

Địa chỉ: Thôn T, thị trấn Đ, huyện N, Bắc Giang

- *Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Bà Giáp Thị Huế-Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang "có mặt".

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1972 "vắng mặt"

ĐKHKTT: Thôn T, TT Đ, huyện N, Bắc Giang

Nơi ở hiện nay: Thôn P, TT Đ, huyện N, Bắc Giang

- *Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp cho bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Vũ Văn Q trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị C có tự nguyện tìm hiểu, đến với nhau và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 1993. Sau khi cưới chị C về gia đình anh C sống từ năm 1993 đến nay nhưng không đến cơ quan Nhà nước có thẩm Q đăng ký kết hôn. Năm 1993 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng trong quan điểm sống và làm ăn kinh tế hàng ngày dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với nhau kể từ năm 2008 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài do vậy anh đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị C.

Về nuôi con C: Vợ chồng có con chung Vũ Mạnh H, sinh năm 1994, hiện nay cháu Hùng đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có gì nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 05/01/2018, bị đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như anh Vũ Văn Q trình bày là đúng. Về việc đăng ký kết hôn chị C cho rằng vợ chồng có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Bắc Giang năm 1993. Do vậy anh Q đề nghị không công nhận vợ chồng chị không đồng ý, còn nếu anh Q xin ly hôn chị đồng ý ly hôn.

Về nuôi con C: Vũ Mạnh H, sinh năm 1994, hiện nay cháu Hùng đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có gì nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có ý kiến cho rằng việc anh Q và chị C C sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm Q nào là có căn cứ. Bởi vì qua xác minh với UBND xã C, huyện N thì UBND xã C không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc anh Q và chị C có đăng ký kết hôn tại UBND xã C như chị C đã khai. Nay đề nghị Tòa án nhân dân huyện N tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Vũ Văn Q và chị Nguyễn Thị C là vợ chồng.

Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có ý kiến hôn nhân giữa anh Q và chị C là hôn nhân hợp pháp. Bởi vì năm 1993 vợ chồng anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã C và sau khi đăng ký về anh Q đã giữ giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy, nay anh Q đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng với chị C đề nghị Tòa án không chấp nhận mà đề nghị Tòa án xử cho ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con C, cấp dưỡng nuôi con, về tài sản C không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Lục Nam đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị Nguyễn Thị C, nhưng chị C vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy Q lợi của chị C đã được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Vũ Văn Q trình bày vợ chồng không đăng ký kết hôn, chị Nguyễn Thị C trình bày vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Bắc Giang nhưng chị C không xuất trình cho Tòa án giấy chứng

nhận kết hôn được. Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã C nhưng hiện nay UBND xã C, huyện N không còn lưu trữ được sổ sách nên không thể cung cấp cho Tòa án. Do vậy, không có căn cứ xác định hôn nhân của anh Vũ Văn Q và chị Nguyễn Thị C là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian C sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng không tìm được tiếng nói C dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống C không thể kéo dài. Từ năm 2008, hai bên đã sống ly thân. Nay anh Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thiết tha đề nghị Tòa án không công nhận giữa anh và chị C là vợ chồng. HĐXX thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Q và chị C đã căng thẳng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ không công nhận anh Q và chị C là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về án phí*: Anh Vũ Văn Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[5] *Về Q kháng cáo*: Đương sự được Q kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Vũ Văn Q và chị Nguyễn Thị C.

2. Án phí: Anh Vũ Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có Q kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- TAND tỉnh Bắc Giang
-VKSND huyện Lục Nam;
-THADS huyện Lục Nam;
-UBND thị trấn Đ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hường